



Thư Tòa Soạn

Sau “Can Poetry Matter?”, vào năm 1991, của Dana Gioia, Josh Cook, trong bài viết “The Problem with American Poetry”, 2010, cho rằng thơ Mỹ hiện nay vẫn có vấn đề. “Chưa bao giờ số lượng thơ in ấn và trên các trang mạng xã hội lại nhiều vô số kể, lý do, chi phí in ấn thấp đến độ ai cũng có thể in thơ, trên các trang blogs, website, và bằng photocopy. Hoặc là, thơ không bán được? Mọi người không mua thơ như họ mua tiểu thuyết, lịch sử, tâm lý, hoặc sách dạy nấu ăn. Nhưng doanh thu không nói lên bất cứ điều gì về chất lượng thơ. Hàng triệu người đã mua *The Da Vinci Code*, nhưng có bao nhiêu trong số họ được thay đổi sau khi đọc nó. Có người nói rằng việc không bán được bảo vệ thơ như một hình thức nghệ thuật, cách ly nó khỏi bị thương mại hóa. *The Da Vinci Code* có thể đã bán được nhiều hơn tất cả các phiên bản tập thơ “Lá Cỏ” (Leaves of Grass) của Whitman cộng lại, nhưng tác động của nó đối với nền văn hóa thì không thể so sánh. Tất cả, chưa phải vấn đề.

“Vấn đề của thơ Mỹ là thiếu những dòng thơ viết cho một xã hội sắp tới (the coming society).

“Blake và Baudelaire. Whitman và Dickinson. Những nhà thơ lãng mạn kết nối tâm linh và tình cảm với thế giới thực nghiệm, những nhà thơ Harlem Renaissance phát minh ra từ vựng công bằng xã hội phân biệt chủng tộc, hoặc Dada đã tấn công vào cảm giác của chúng ta về ý nghĩa ... Thơ phải cung cấp bộ phóng cho nền văn học, bằng cách tiêu hủy cấu trúc có trước hoặc tạo ra những từ vựng và thần thoại mới cho xã hội tiếp theo. Beats với một trong những tư tưởng siêu Phật giáo (hyper-Buddhism), và ngay cả những nhà thơ Tự thú (Confessional poets) đã xây dựng một nội tâm mới, có khả năng xem xét sâu sắc

các hiện tượng về sự tồn tại của mình. Cho dù có hy vọng hay không, nhà thơ luôn luôn phải ở trên đường chân trời.

“Có lẽ quá nhiều thứ đã xảy ra trong thơ Mỹ, vì vậy, nhà thơ của ngày hôm nay vẫn còn đang vật lộn với những thành tựu của các nhà thơ của ngày hôm qua. (Chúng ta đã xử lý tốt Whitman, nhưng có ai đã thực sự khám phá tất cả các khả năng ngụ ý của ngữ pháp Dickinson?) Và mặc dù có những nhà thơ viết về tình cảm hấp dẫn, triết lý phức tạp, và trí tuệ kích thích về thế giới này, nhưng nỗ lực sống còn, phá hủy cái cũ và tạo ra cái mới thì không. Lý do, cấu trúc giáo dục của chúng ta, kinh tế của xuất bản, sự phổ biến của quảng cáo, sự thống trị của giải trí, thậm chí tưởng tượng thơ mộng nhất của chúng ta cũng không còn môi trường để phát huy.”

Nguyên nhân, ông cho rằng một phần do sự thiên cận của cộng đồng thơ. Mặt khác, thơ trước khi xuất bản, cần phải có một số quá trình biên tập, phê bình, góp ý của người khác, ngoài nhà thơ, để tác phẩm thật sự có giá trị. Thật ra, đa số những diễn đàn thơ Mỹ đều có những quy định, trước khi post bài lên, các thành viên phải đóng góp ý kiến của mình với ít nhất 2 bài thơ của những thành viên khác. Điều này không những kích động không khí sáng tác mà còn giúp các thành viên vừa học hỏi, vừa hoàn thiện tác phẩm của mình. Tuy nhiên, những thành viên phải có tinh thần cởi mở và tiếp nhận, các ý kiến phê bình phải có giá trị phê bình. Diễn đàn thơ Tân hình thức Việt, www.thotanhinhthucviet.com, cũng đang mở ra, chờ đón các thành viên muốn làm quen với cách thức sinh hoạt mới này.

Josh Cook viết đúng, nhưng chưa đủ, và không có gì mới. Trong một thời đại mà mỗi người mạnh ai nấy nói, không ai nghe ai, thơ muốn

đáp ứng phải thay đổi cách diễn đạt. Đừng nói gì đến xã hội sắp tới, ngay xã hội bây giờ, thơ cũng đã khuất sau hậu trường. Thơ hàng hà sa số nhưng không ai đọc. Lý do: thơ tự do viết xuống những suy nghĩ chủ quan của mình. Thơ trữ tình (thể luật) diễn đạt cảm xúc và tư tưởng của nhà thơ. Cả hai không có khoảng không gian nào cho người đọc, trong khi theo nhà thơ Kyle Dargan, người đọc chỉ đọc khi họ tìm thấy chính họ trong thơ. Thơ thiếu vắng đời sống vì chỉ có đời sống mới mang bóng dáng người đọc. Đó là chưa kể, thơ không nói lên được gì về bất cứ điều gì. Còn về kỹ thuật, thơ tự do đã phát triển hết mức, và những nhà thơ, không còn cách nào khác, ngoài thực hành theo những gì đã được khám phá từ những phong trào tiên phong và các tác giả nổi tiếng ở thế kỷ trước. Thơ, dù hay đến mấy cũng không gây được tác động gì trong sinh hoạt văn học, vì đã đứng ngoài thời đại.

Thơ Tân hình thức Việt đáp ứng tiêu chuẩn mong ước của Josh Cook. Ngay từ khởi đầu, thơ Tân hình thức Việt đã là một dòng thơ cho những thế hệ kế tiếp. Cho tới bây giờ, là dòng thơ có cách diễn đạt phù hợp nhất với thời đại internet, “thơ Tân hình thức Việt mới mẻ, dĩ nhiên, dễ hiểu nhờ tính truyện, hấp dẫn vì có nhịp điệu, và giá trị với những ý tưởng sâu sắc”. Và trong lúc thơ không có người đọc, số người đọc thơ Tân hình thức tăng gấp 10 lần hơn. Nhưng số người tham gia sáng tác lại không tăng. Thơ Tân hình thức khó ư? Hay có những khúc mắc chưa thể giải quyết? Tinh thần bảo thủ ở thời nào nơi nào cũng có, nhưng nếu thiếu sự am hiểu những hệ mỹ học, cùng với sự dễ dãi đang trở thành quán tính vì những phương tiện giải trí hấp dẫn như truyền hình, phim ảnh, video game, thì thơ muốn thật sự thay đổi quả là gian nan. Và có lẽ, còn rất nhiều nguyên nhân khác nữa. Tuy nhiên, cho tới nay, đã có những nhà thơ mà tên tuổi của họ gắn liền với dòng thơ này: Biên Bắc, Gyảng Anh Iên, Nguyễn Tất Độ, Hoàng Huy Hùng, Hường Thanh, Nguyễn Văn Vũ, Vương Ngọc minh ... Và còn tiếp tục. Thơ Tân hình thức Việt, với hơn 15 năm trải nghiệm, đang tiếp tục cung cấp cho những bạn thơ những thông tin cần thiết, và đặc biệt, phương pháp cụ thể để sáng tác sao cho có hiệu quả. Đó cũng là sức mạnh của dòng thơ này.

Một tin tức làm tê điếng người Việt từ trong nước tới hải ngoại: Cá chết hàng loạt ở các tỉnh miền Trung, bắt đầu từ Hà Tĩnh tới Thừa Thiên – Huế, sau những bản tin về tình trạng khô hạn ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long. Ô nhiễm môi trường sống và an toàn thực phẩm đang là mối âu lo gan ruột của mọi người dân Việt. Một tin khác, chuyến thăm Việt Nam đầy ấn tượng, hướng về tương lai, của tổng thống Barack Obama từ ngày 23 tháng 5 đến 25 tháng 5, 2016, được người dân chào đón nồng nhiệt, nơi một đất nước mà trước kia là cựa thù.

Hường Thanh

MẮT CÁ

trong lòng biển em bơi em
bơi đi về rào nguồn là
rào mình em bơi em bơi
trong lòng biển em có rào

là nguồn không là đất trên
nơi có vườn rào ngày mẹ
ra hái rau đêm người trên
đảo nhìn xa bờ rào rào

là nguồn trong lòng biển mình
em bơi đi bơi đi cho
nước vẫn đều cho nguồn là
rào lịch sử vẫn là đây

bao la biển nước ngoài kia
lấn bờ rào nước tràn nước
biển ngập bờ rào rào là
nguồn em bơi em bơi từ mấy

năm xưa kia những năm
đã cũ em đã bơi quanh
bơi quanh rào đến khi sự
hiện diện chỉ còn trong đôi

mắt cá đã bị mắc lưới
một con cá bé rơi lăn
lóc trên sàn con tàu lớn
phá rào đi tới nơi nguồn.

Vương Ngọc Minh
THÁNG NĂM – Ở ĐÂY

yeah hiện thân tôi đây
người đàn bà mang bộ
ngực to bằng cặp mông
đi lịch bịch loan tin

cá giờ chết sấp lớp
ngoài biển đông mà em
đã gặp trong phố cổ vào
cái đêm người ta nửa

tin nửa ngờ khi hay
cá chết sấp lớp ngoài
biển đông em ạ vào
giữa tháng năm thường khí

trời nóng bức bồi em
bảo tôi yeah tôi chỉ
có thể hiện hữu phút
đó bằng cách đó ở

mê cung đó bằng hiện
thân người đàn bà mang
bộ ngực to bằng cặp
mông đi lịch bịch em

đã thấy trong phố cổ
đừng hoài nghi đừng nghĩ
ngợi gì cả tôi chẳng
bao giờ quên nổi quê

vào những ngày cá chết
sấp lớp ngoài biển đông
yeah hãy tin tôi rằng
chỗ này/ chỗ khác hôm

nay em biết ra trong
kẽ tóc đường tơ đã
định phận mỗi người có
thể mai kia em nhận

biết thêm hiện thân em
là hình hài của hiện
tại những con cá chết
một cách chắc chắn sấp

lớp ngoài biển đông và
tôi khi thì bằng xương
bằng thịt khi nóng khi
lạnh lúc thì hiện thân

là người đàn bà mang
bộ ngực to bằng cặp
mông đi lịch bịch tuy
nhiên do thờ bằng khí

trời nên người đàn bà
phải loan tin cá giờ
chết sấp lớp ngoài biển
đông và bốn mùa: xuân

hạ thu đông của chúng
ta giờ đã không có
gì còn an toàn chắc
chắn cả yeah em cũng

đã biết ít nhất tôi
có thể thay đổi chữ
thật ra chữ ảo và
ngược lại nhưng không thay

đôi được đen thành trắng
và lấm lúc nghỉ ngơi
bằng cách tắm tấp tủy
rửa dù sao một nửa

đàn ông là đàn bà
trong tôi là hiện thực
chỉ không sinh được kiều
mẹ tròn con vuông và

vân ... vân đúng không em!

Xuân Thủy
KHÔNG TÊN KHÔNG SỐ

Khi tôi ... bước ra
Ngoài cửa sổ bước
Ra ngoài cánh cửa
Khép khép hờ trên

Mi em và khi
Tôi bước ra ngoài
Những con chữ trang
Sách cũ đã cũ

Bước ra ngoài khi
Trời nơi đâu đôi
Mắt em trong như
Gương và em những

Người em xinh đẹp
Tôi yêu làm sao
Đôi mắt em trên
Vai tôi nổi buồn

Vui tại sao không
Cười lên tình yêu
Tôi còn mãi khi
Em bước ra bước

Ra ngoài những cái
Tôi đã cũ ...

31/3/2015

Nguyễn Văn Vũ
BIÊN CHẾT

những con cá mình trần thân trụi
nằm ngửa bụng lên trời bên những
đứa bé nằm úp mặt xuống cát
kêu la kêu la mẹ ơi cha

ơi mà mẹ cha cũng ngồi vác
mặt nhìn biển kêu la hỏi còn
ai trả lời cho những đứa trẻ
nằm úp mặt kêu la có chăng

tiếng gầm của sóng biển đập vào
con đàu thắt ruột đám người tuôn
ra như những đàn kiến ngập ngụa
kín lối đi giữa làng quê kéo

những đứa trẻ ra khỏi mùa cá
chạy ngược vào phố xá cũng đang
kêu la về những đoàn thuyền chết
trên cạn những xác cá thối rữa

dưới đáy sâu những lưới sóng nặng
mùi kim loại liếm mòn hơi thở
thoi thóp của bầy còng gió trốn
vào hang tìm bóng tối để che

dấu nỗi sợ hãi về cuộc sống
mong manh về những chuyến xe cát
sặc mùi hóa chất những bóng ma
thả tai ương vào trang sử đen

ngòm xóa số những sớm mai thuyền
về đây cá bóng mẹ bóng cha
hòa vào bọt sóng lao xao tiếng
cười trẻ thơ bay về phía biển ...

Tháng 5.2016

Đài Sử
TỰ NHIÊN NHỚ

Khi thi sĩ nhớ thi sĩ

Xa lộ vắng hoe chiếc
xe cộc ketch đường về
trời tối xong một ngày
làm việc ánh đèn sáng
một khoảng đường trước mặt
“tự nhiên nhớ ...” cái nhớ
đến tự nhiên không như
giờ x bắt đầu làm
và giờ y là xong
“tự nhiên nhớ ...” cái đáng
người cái giọng nói cái
rất thi sĩ “tự nhiên
nhớ ...” cách nói chuyện không
phải những bài thơ nhớ
cái tên không phải cái
bút hiệu nhớ con người
bình thường hơn cái chữ
cái nhớ ở lúc này
không ở những lúc khác
cái nhớ như có thể
nắm được “tự nhiên nhớ ...”
nhớ con người.

POETRY AS ENCHANTMENT

THƠ NHƯ NIỀM MÊ HOẶC

Dana Gioia

Khái niệm thơ được nhìn nhận như bài hát còn được mở rộng sang lãnh vực siêu hình, như Rainer Maria Rilke đã thực hiện trong tập *Sonnets to Orpheus* của ông. “Gesang ist Dasein,” Rilke khẳng định, “Hát nghĩa là Hiện thể.” Trong quan điểm của Rilke, động thái hát, mà ông hiểu là sự sáng tạo thơ đích thực theo nghĩa nguyên sơ thần bí [primal Orphic sense], biểu trưng cho một cách thức hiện hữu khác với cách thức dùng lời hoặc cách thức im lặng. (Điều có ý nghĩa đặc biệt là ông đã sử dụng hình tượng Orphus, nhà thơ đầu tiên trong thần thoại, mà những ca khúc của nhà thơ này có thể làm thay đổi thực tại.) Một chủ đích của việc làm thơ, Rilke gợi ý, là nhằm nâng cao hoặc biến đổi cái ý thức của tác giả về cuộc hiện hữu của chính họ. Nói rộng ra, việc lắng nghe một bài hát hoặc bài thơ cũng tạo một tác động tương tự nơi người nghe, tuy không mạnh mẽ bằng. Một số người đọc có thể nhận ra cụm từ nêu trên của Rilke nơi một ngữ cảnh khác – Lady Gaga đã xăm nó trên cánh tay của cô. Những nhà thơ và những ngôi sao nhạc pop đều nhận thức được sức mạnh của bài hát – sức mạnh thực sự lẫn ẩn dụ – và mối nối kết về mặt vật chất và cảm xúc giữa bài hát và người nghe. Tiếng nói của thơ hữu hiệu và bao trùm hơn hết (dù là thơ tự do hoặc thơ có thể thức) khi nó thừa nhận – không cần biện giải – mối nối kết giữa nó với những nguồn gốc có tính nhạc và tính nghi thức của nó. Không một ai theo dõi một cuộc biểu diễn nhạc rock lại có thể khẳng định rằng thơ khi được xướng ngâm cũng chẳng khiến xảy ra bất kì chuyện gì, dầu rằng chính xác thì những gì xảy ra trong đám đông phấn khích mê cuồng đó vẫn là điều bí ẩn và khác xa những gì vẫn thường được giả định.

The notion of poetry as song can be extended to a metaphysical level, as Rainer Maria Rilke did in his *Sonnets to Orpheus*. “Gesang ist Dasein,” Rilke asserts, “Singing is being.” In Rilke’s view, the act of singing, by which he means the creation of real poetry in the primal Orphic sense, represents a different mode of existence from speech or silence. (Significantly, he appropriates the figure of Orpheus, the mythic first poet, whose songs could change reality.) One purpose of writing poetry, Rilke suggests, is to heighten or transform the author’s consciousness of his own existence. By extension, listening to song or poetry has a similar, if less intense, impact on the audience. Some readers may recognize Rilke’s phrase from another context – Lady Gaga has it tattooed on her arm. Poets and pop stars understand the power of song – both real and metaphorical – and its physical and emotional connection to the listener. Poetry speaks most effectively and inclusively (whether in free or formal verse) when it recognizes its connection – without apology – to its musical and ritualistic origins. No one watching a rock concert would claim that sung poetry makes nothing happen, though exactly what happens in the Dionysian exhilaration of the crowd remains more mysterious and various than often assumed.

Nhạc pop cung cấp một viễn cảnh hữu ích về sự phối hợp theo quan điểm của Plato giữa thơ và sự điên cuồng. Trong thơ có điều gì đó bất lí có thể gây nguy hiểm khiến triết gia đó phải lo ngại. Không phải bởi nội dung ngữ nghĩa, mà bởi sức thúc đẩy từ phủ tạng, từ bản năng do âm thanh và nhịp điệu gây ra. Một cách thuyết phục, thơ truyền đạt những cảm nghĩ vượt lên trên hoặc ở bên dưới diễn ngôn đặt cơ sở trên nền tảng lí trí. Vì mang tính chất gắn liền với thể chất con người nên lời thơ tách biệt khỏi thứ ngôn ngữ khái niệm của triết lí. Chứng kiến sự xung đột giữa văn hóa viết và văn hóa truyền miệng trong nền văn minh Hi Lạp ở thời điểm đó, Plato ngờ vực tính chất dựa trên cảm xúc và trực giác của thơ xướng ngâm. (Thơ viết ra chữ hầu như chưa xuất hiện.) Ông lo ngại rằng người nghe sẽ rơi vào trạng thái say sưa phi lí trí, điều mà sau này Friedrich Nietzsche gọi là cơn say của Tử thần Dionysus. Còn Robert Burton thì tuyên bố thẳng thừng trong *The Anatomy of Melancholy*, “All poets are mad.” (Mọi nhà thơ đều điên). Plato đã đáp trả những mối nguy hại của thơ bằng cách gợi ý – chẳng có chút thành quả nào – rằng những kẻ hành xử nghệ thuật đó phải bị trục xuất khỏi nhà nước lí tưởng. (Những nhà tư tưởng đương đại đượchường nhiều thành quả hơn khi trấn áp thơ bằng cách cô lập nó trong lớp học.) Plato thừa nhận khả năng chuyển tải ý nghĩa của thơ bằng những cách thức không cổ vũ cho những đáp ứng có ý thức và hợp lí trí. Nói cách khác, điều Plato lưu ý, là thơ là một loại ca khúc. Điều ông lo ngại, là sự mê hoặc của Tử thần Dionysus.

II

Thơ bị tàn diệt và tận diệt khi nó xa lìa nhạc, hoặc ít nhất là lìa nhạc tưởng tượng.

– Ezra Pound

Nhạc tính làm nền cho thơ chính là nguyên nhân chủ yếu khiến T. S. Eliot nhận xét về Dante rằng “Thơ thực sự là thơ có thể truyền đạt, thông tri trước khi đượchiểu.” Ngôn ngữ thơ tự biểu thị như một tổng thể, không như một phương tiện chuyển tải trong suốt chuyên chở một nội dung có tính khái niệm – hệt như nhạc và múa biểu thị

Pop music provides useful perspective on Plato’s association of poetry with madness. There was something dangerously irrational in poetry that worried the philosopher. It wasn’t the semantic content but the visceral power of the sound and rhythm. Poetry compellingly communicates feelings that lie beyond or beneath rational discourse. The physicality of poetic speech separates it from the conceptual language of philosophy. Witnessing the moment in Greek civilization when written and oral cultures first came into conflict, Plato distrusted the emotional and intuitive nature of sung and chanted poetry. (Written poetry had hardly yet emerged.) He feared the irrational intoxication that Friedrich Nietzsche would later call Dionysian. As Robert Burton declared more bluntly in *The Anatomy of Melancholy*, “All poets are mad.” Plato responded to the dangers of poetry by suggesting—with notorious lack of success—that its practitioners be banished from the ideal state. (Contemporary thinkers have enjoyed far more success in suppressing poetry by sequestering it in the classroom.) Plato recognized poetry’s power to convey meaning in ways that did not foster conscious and reasonable response. What Plato noticed, in other words, was that poetry was a species of song. What he feared was its Dionysian enchantment.

II.

Poetry withers and dies out when it leaves music, or at least imagined music.

– Ezra Pound

The underlying musical nature of poetry is a primary reason why, as T. S. Eliot observed about Dante, “Genuine poetry can communicate before it is understood.” Poetic language expresses itself as a totality, not as a transparent vessel for conceptual content – just as music and

ý nghĩa theo những cách liên hệ tới cơ thể con người và tới cảm quan hơn là theo cách phân tích. Hãy lắng nghe những giòng thơ mở đầu cho bài thơ được đưa vào nhiều tuyển tập thơ tiếng Anh hơn cả, bài “The Tyger” của William Blake:

Chúa sơn lâm! Chúa sơn lâm! Ngồi rực sáng
Giữa đêm rừng,
Đôi tay hay đôi mắt vĩnh hằng nào
Đủ quyền năng đưa nét cân đối kinh hoàng
của mi vào khuôn phép?
Trong cõi biển hoặc cõi trời xa xăm nào
Mà lửa được thổi truyền rực cháy trong
đôi mắt mi?
Trên đôi cánh nào Kẻ đó dám đắm đương
tham vọng đó?
Đôi tay nào, dám cầm giữ lửa?*

Nhiều học giả lớn đã cố gắng minh giải những điều được coi là có ý nghĩa thần thoại và ý hệ phức tạp trong những giòng thơ này, mà theo như người ta nói, Blake đã ngâm ngợi bài thơ này phỏng theo một giai điệu đã thất truyền, thế nhưng chính bài thơ đã được hàng triệu người đọc yêu thích và triu mến, dấu rằng họ chẳng bận tâm về ý nghĩa của bài thơ dưới dạng ngôn từ của khái niệm. Người đọc (hoặc có lẽ tốt hơn nên gọi là người nghe) nhận ra rằng bài “The Tyger” là một “Ca khúc của Trải nghiệm”, không phải một triết lý hoặc lý thuyết của trải nghiệm. Những người nghe yêu mến bài thơ coi nó như một giai điệu có lời kèm theo hoặc một thứ thần chú đầy ma lực đủ khiến giúp gọi ra những hình ảnh có sức tác động mạnh mẽ hoặc giúp làm thức tỉnh những cảm xúc sâu lắng. Họ đáp ứng với niềm vui thích và phần chần cái trải nghiệm mà bài thơ cung cấp. Họ cũng cảm nhận bằng trực giác rằng bài thơ toát ra cả một loạt những ý nghĩa mà bản thân họ không thể lĩnh hội hết. Khía cạnh có ma lực của thơ không giảm thiểu giá trị của việc phê bình cẩn thận và tỉ mỉ. Giới học giả đã làm sáng tỏ ý nghĩa của thơ Blake. Điều quan trọng là có một phần chủ yếu của sức hấp dẫn mạnh mẽ của thơ lại ít liên hệ tới việc hiểu thơ bằng ngôn ngữ khái niệm. Thơ công hiến một số điều bí ẩn vượt ra ngoài lời diễn giải.

dance express meaning in ways that are physical and sensory rather than analytical. Listen to the opening lines of the most widely anthologized poem in the English language, William Blake’s “The Tyger”:

Tyger! Tyger! burning bright
In the forests of the night,
What immortal hand or eye
Could frame thy fearful symmetry?
In what distant deeps or skies
Burnt the fire of thine eyes?
On what wings dare he aspire?
What the hand, dare seize the fire?

Great scholars have riddled out the complex mythology and ideology of these lines, which Blake reportedly sang to a tune now lost, but the poem itself has been loved and cherished by millions of readers who have no idea what it means in conceptual terms. Readers (or perhaps it would be better to say auditors) recognize that “The Tyger” is a “Song of Experience,” not a philosophy or theory of experience. Listeners love the poem as a verbal tune or magic spell that summons powerful images and awakens deep emotions. They respond with pleasure and exhilaration to the experience the poem affords. They also sense intuitively how the poem radiates a range of meanings not all of which they are personally able to comprehend. The magical aspect of poetry does not diminish the value of critical scrutiny. Scholarship has clarified the meaning of Blake’s poetry. The point is rather that an essential part of poetry’s power has little connection to conceptual understanding. Poetry proffers some mysteries that lie beyond paraphrase.

Điều rất có ý nghĩa là từ La-tinh để chỉ thơ, carmen, cũng là từ mà người La Mã xưa dùng để chỉ một bài hát, một bùa chú có ma lực, một thần chú tôn giáo, hoặc một lời tiên tri – những cấu trúc từ vựng mà quyền lực tác động vào thính giác của chúng có thể tạo ra một tác động có ma lực vào người nghe. Những nền văn hóa cổ xưa đều tin vào quyền lực của lời nói. Nguyên rủa hoặc chúc phúc ai là điều có ý nghĩa sâu xa. Một lời thề được nói ra là một ràng buộc. Một bùa chú hoặc lời tiên tri đều có tác dụng mạnh. Từ carmen vẫn còn tồn tại trong tiếng Anh hiện đại (thông qua tiếng Pháp vùng Normandie) [người vùng này đã chinh phục nước Anh vào thế kỷ 11: sử: The Normand Conquest – người dịch] cũng như từ charm (sức mê hoặc), và nó vẫn còn chuyên chở nhiều nghĩa: một bùa chú có ma lực, một bài thơ được xướng ngâm, và một sức mạnh làm mê hoặc. Thậm chí những sức mê hoặc [charms] hiện vẫn còn tồn tại trong nền văn hoá truyền miệng. Nhìn lên một bầu trời gió bão, hẳn vẫn còn một vài em nhỏ đọc thuộc lòng câu bùa chú sau đây:

Mưa, hỡi mưa
hãy đi khỏi.
Hãy trở lại
một ngày khác.

Hoặc khi ngắm nhìn bầu trời đêm, các em nhỏ đó sẽ thì thầm với ngôi sao hôm [Venus]:

Ánh sao, sáng sao,
Ngôi sao đầu tiên em ngó thấy
đêm nay,
Em ước em có được, em ước phải
chi em có được
Điều em ước đêm nay.

Phạm Kiều Tùng dịch

(Còn nữa)

It is significant that the Latin word for poetry, carmen, is also the word the Romans used for a song, a magic spell, a religious incantation, or a prophecy – all verbal constructions whose auditory powers can produce a magical effect on the listener. Ancient cultures believed in the power of speech. To curse or bless someone had profound meaning. A spoken oath was binding. A spell or prophecy had potency. The term carmen still survives in modern English (via Norman French) as the word charm, and it still carries the multiple meanings of a magic spell, a spoken poem, and the power to enthrall. Even today charms survive in oral culture. Looking at a stormy sky, surely a few children still recite the spell:

Rain, rain
go away.
Come again
some other day.

Or staring at the evening sky, they whisper to Venus, the evening star:

Star light, star bright,
First star I see tonight,
I wish I may, I wish I might
Have the wish I wish tonight.

Translated by Phạm Kiều Tùng

(Be continued)